An ninh mạng 1

Một số thuật ngữ về an toàn thông tin

- Thread
  - Hacker, virus, hỏng phần cứng/mềm…
- Vulnerability
  - Thiếu bản vá lỗi bảo mật, password yếu
- Exploit
  - Quá trình khai thác điểm yếu bảo mật
  - Local exploit/remote exploit
- Attack

Các kiểu thread

- Internal thread
- External thread
- Unstructured thread
- Structured thread

Một số kiểu tấn công

- Lấy thông tin

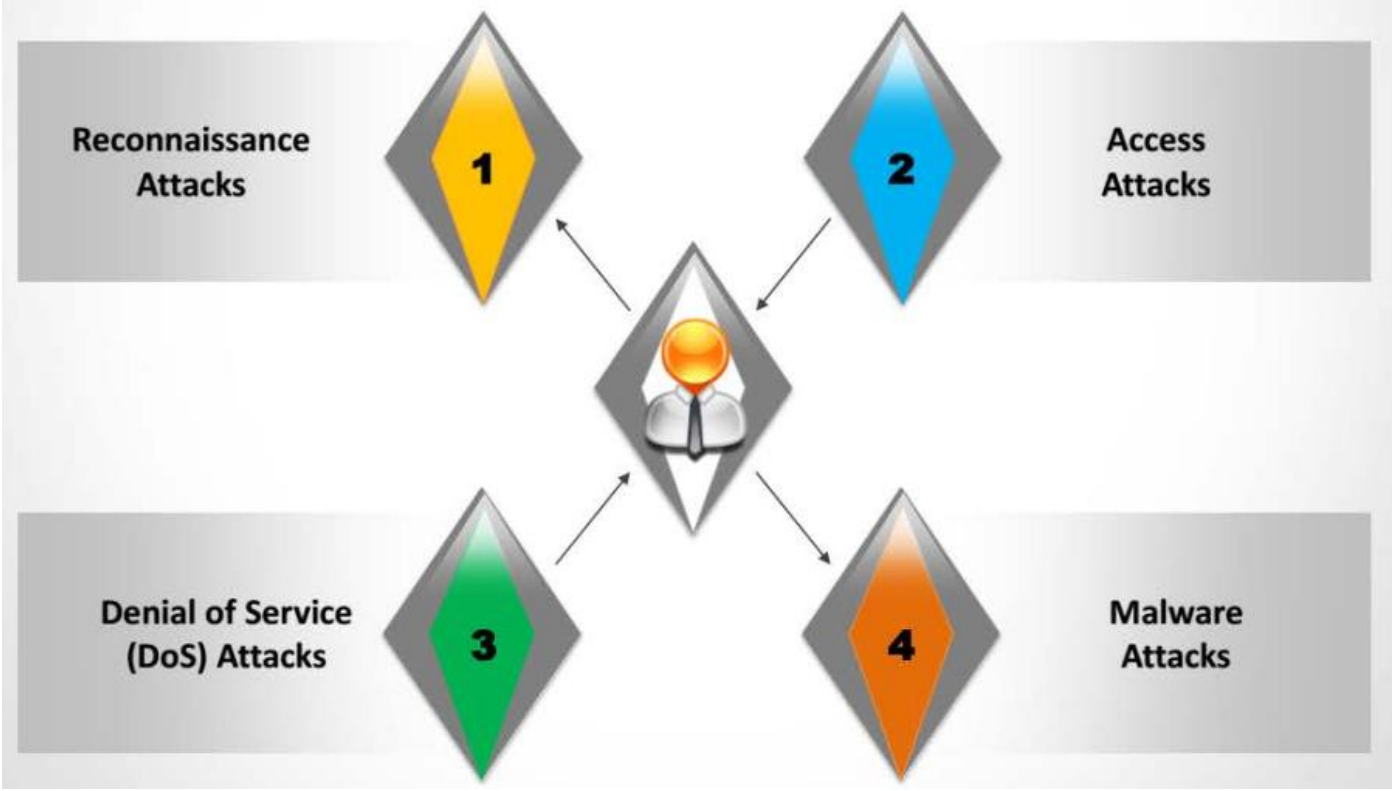

Khai thác điểm yếu Unauthoried access, brute force, privilege escalations, man-in-the-middle

Trojans, virus, worms

Thu thập thông tin

- Các kỹ thuật thu thập thông tin
  - Social engineering
  - Port scanning
  - DNS Footprinting
  - Ping Sweeping
- ICMP scanning
- Nmap scan

Access attack

- Password attack
  - Tấn công server và router
  - Kỹ thuật brute-force, social engineering, spoofing, phishing, malware, sniffing
- Network sniffing
  - Bắt gói tin
- Man-in-the-middle attack

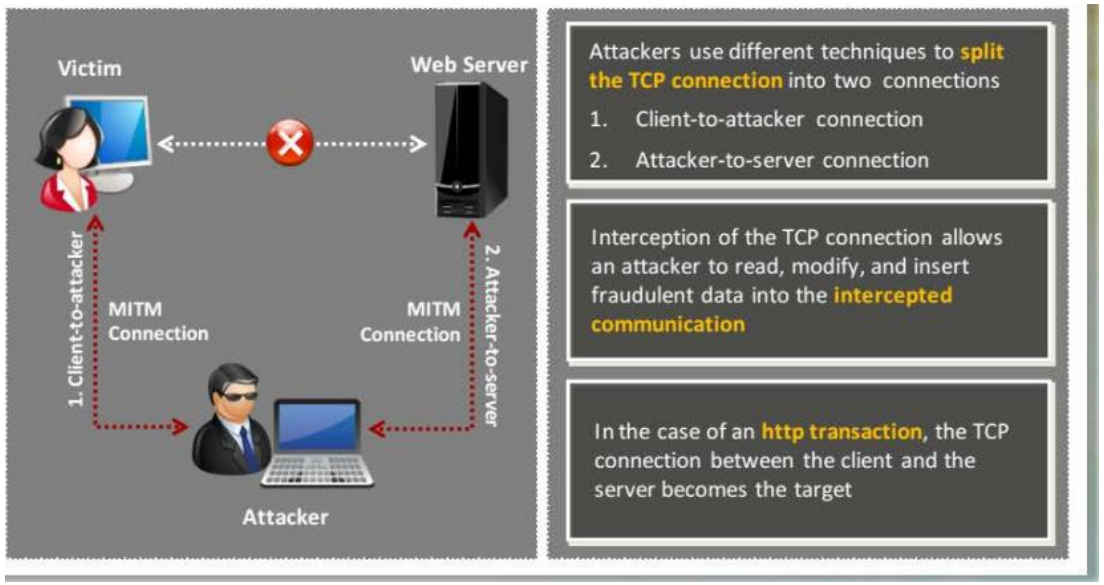

Access attack

- Replay attack

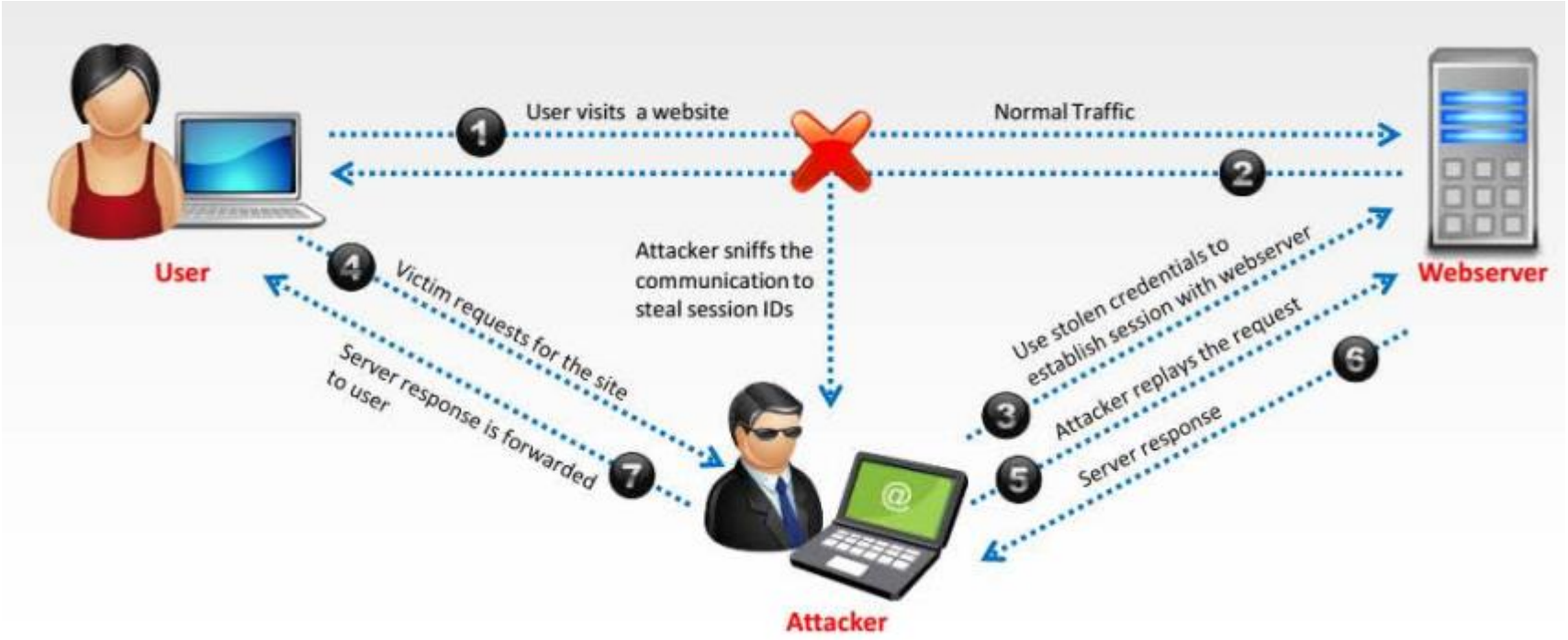

Access attack

- Privilege escalation
  - Sử dụng tài khoản mức thấp để lấy quyền admin
- DNS poisoning
- DNS cache poinsoning
- ARP poinsoning
- DHCP starvarion attack
- DHCP spoofing attack
- Switch port stealing
- MAC spoofing/duplicating

Deny of service – DoS/DDoS

- DoS ngăn chặn người dùng truy cập mạng bằng cách tấn công network bandwidth
- DDoS

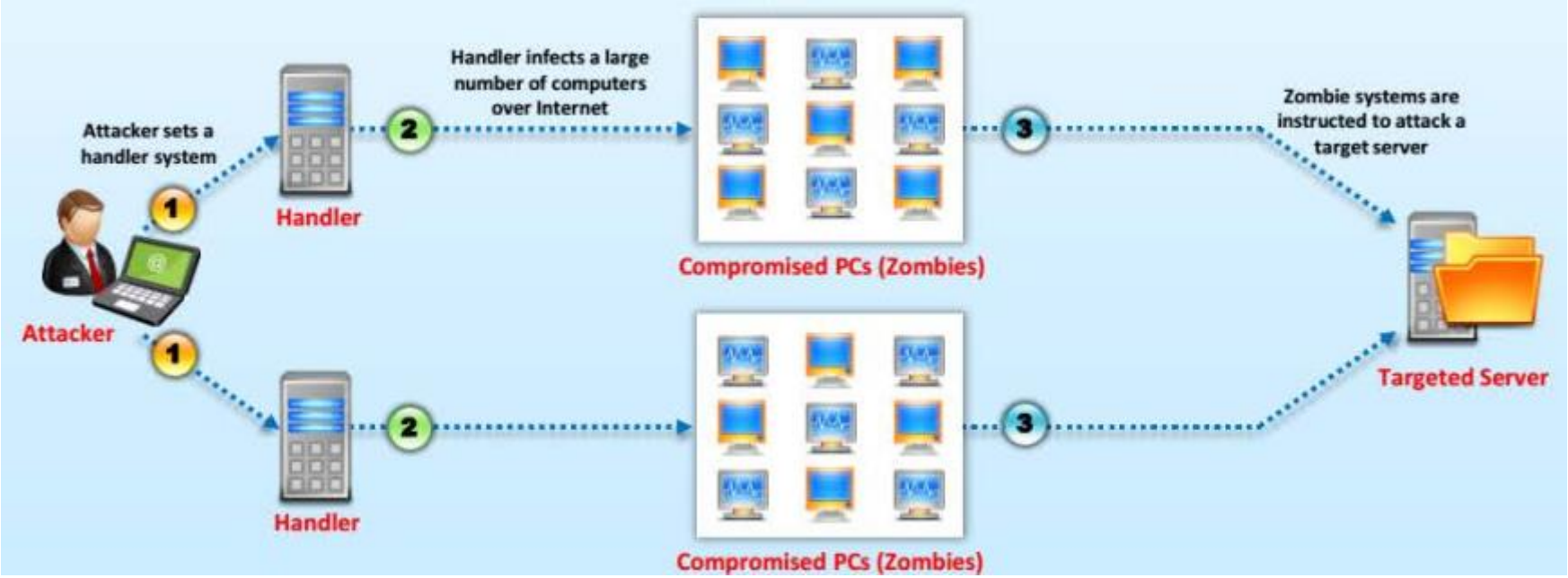

Malware attack

- Virus
- Trojan
- Adware
- Spyware
- Rootkit
- Backdoor